**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**

Khoa **KH Xã hội & Nhân văn**

Bộ môn: KH Xã hội & Nhân văn

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Thông tin về học phần:**

Tên học phần: **KỸ NĂNG GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ RA QUYẾT ĐỊNH**

* Tiếng Việt: Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định
* Tiếng Anh: *Problem solving skill and make decision*

Mã học phần: Số tín chỉ: 2

Đào tạo trình độ: đại học

Học phần tiên quyết: không

**2. Thông tin về giảng viên:**

Họ và tên:

1. ThS. GV. Lê Thị Thanh Ngà

ĐT: 0983 653 150 Email: ngaltt@ntu.edu.vn

Địa điểm, lịch tiếp SV: tiết 3 thứ 2 phòng giảng viên G5; tiết 8 thứ 2 phòng giảng viên G3

**3. Mô tả tóm tắt học phần:**

Học phần trang bị cho người học những kiến thức: tổng quan về vấn đề, giải quyết vấn đề; các công cụ, kỹ năng cơ bản để giải quyết vấn đề và ra quyết định. Song song đó, học phần cung cấp và tổ chức cho người học thực hành hệ thao tác của quy trình giải quyết vấn đề và ra quyết định.

**4. Mục tiêu:**

Học phần nhằm giúp sinh viên có khả năng nhận diện (mô tả và phân tích) vấn đề, xác định được nguyên nhân của vấn đề, quyết định lựa chọn được giải pháp tối ưu, đi đến thực hiện thành công giải pháp để giải quyết các vấn đề trong học tập, công tác, cuộc sống.

**5. Kết quả học tập mong đợi (KQHT):** Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể:

***5.1. Kiến thức***

- Nắm được khái niệm Vấn đề, giải quyết vấn đề, ra quyết định; phân loại được vấn đề;

***-* N**ắm vững các công cụ giải quyết vấn đề (bản chất, chức năng, cấu trúc, cách sử dụng)

- Nắm vững quy trình giải quyết vấn đề và ra quyết định (các bước, thao tác và công cụ thực hiện từng bước)

***5.2. Kỹ năng***

- Có năng lực nhận diện được vấn đề trong cuộc sống, học tập của bản thân

- Có năng lực nhận diện được những dấu hiệu, nhân tố làm nảy sinh vấn đề

- Thực hiện hiệu quả các thao tác bằng các công cụ trong các bước của quy trình giải quyết vấn đề và ra quyết định cho những vấn đề cụ thể bản thân gặp phải trong cuộc sống, học tập

***5.3. Thái độ***

- Có ý thức cao trong việc phát hiện, nhận diện, giải quyết vấn đề và ra quyết định

- Ý thức được tầm quan trọng của hoạt động trên đối với cuộc sống của bản thân và cộng đồng.

**6. Kế hoạch dạy học:**

***6.1. Lý thuyết***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *STT* | *Chương/Chủ đề* | *Nhằm đạt KQHT* | *Số tiết* | | *Phương pháp dạy – học* | *Chuẩn bị của người học* |
| *LT* | *TH* |
| **1** | **TỔNG QUAN VẤN ĐỀ VÀ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ RA QUYẾT ĐỊNH** |  | 2 | 2 |  |  |
| 1.1  1.2  1.3 | Khái niệm, phân loại vấn đề, các biểu hiện của một vấn đề.  Khái niệm, phân loại quyết định;  Khái niệm, vai trò của giải quyết vấn đề | Hiểu được “Vấn đề” và giải quyết vấn đề;  Phân loại được “vấn đề”  Hiểu được tầm quan trọng của ra quyết định. |  |  | Thuyết giảng, thảo luận, nêu tình huống - xử lý tình huống, hỏi – đáp | Nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị câu hỏi, tình huống, làm bài tập |
| **2** | **CÔNG CỤ VÀ KỸ THUẬT GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** |  | 4 | 4 |  |  |
| 2.1  2.2  2.3  2.4  2.5  2.6 | Kỹ thuật 4W+1H  Kỹ thuật 5 Why  Biểu đồ xương cá  Sơ đề tư duy  Kỹ thuật động não  Sáu chiếc mũ tư duy | Nắm được nội dung của từng công cụ và kỹ thuật kiên quan đến GQVĐ.  Có khả năng thao tác, thực hành các công cụ, kỹ thuật đã học trong GQVĐ. |  |  | Thuyết giảng, thảo luận, thực hành mẫu - thực hành công cụ, làm bài tập | Nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị câu hỏi, tình huống, làm bài tập |
| **3** | **QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** |  | 4 | 6 |  |  |
| 3.1  3.2  3.3  3.4  3.5  3.6 | Nhận ra vấn đề  Xác định chủ sở hữu vấn đề  Phân tích nguyên nhân và chỉ ra các nguyên nhân cốt lõi của vấn đề  Đề xuất giải pháp và phân tích, đánh giá, lựa chọn các giải pháp tối ưu để giải quyết vấn đề.  Lập kế hoạch thực thi giải pháp  Theo dõi, đánh giá kết quả thực thi giải pháp. | Nắm được các bước của quá trình GQVĐ;  Sử dụng hợp lý, thuần thục các công cụ và kỹ thuật đã học ở chủ đề 2 tương ứng cho từng bước của quá trình GQVĐ. |  |  | Thuyết giảng, thảo luận, thực hành mẫu - thực hành công cụ, làm bài tập | Nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị câu hỏi, tình huống, làm bài tập |
| **4** | **KỸ NĂNG RA QUYẾT ĐỊNH** |  | 4 | 4 |  |  |
| 4.1  4.2  4.3  4.4  4.5 | Xác định vấn đề cần ra quyết định  Xác định thẩm quyền ra quyết định  Hình thức ra quyết định  Các phương pháp ra quyết định  Những khó khăn khi ra quyết định và cách thức khắc phục. | Hiểu và vận dụng được kỹ năng ra quyết định; sử dụng phương pháp hợp lý trong hoàn cảnh khác nhau khi ra quyết định. |  |  | Thuyết giảng, thảo luận, thực hành mẫu - thực hành công cụ, làm bài tập | Nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị câu hỏi, tình huống, làm bài tập |

**7. Tài liệu dạy và học:** *(10)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *STT* | *Tên tác giả* | *Tên tài liệu* | *Năm xuất bản* | *Nhà xuất bản* | *Địa chỉ khai thác tài liệu* | *Mục đích*  *sử dụng* | |
| *Tài liệu chính* | *Tham khảo* |
| 1 | Lê Văn Hảo | Bài giảng hp.KN giải quyết vấn đề &RQĐ |  |  | Thư viện, web bộ môn KHXH&NV |  | x |
| 2 | Lê Việt Phương, Nguyễn Thị Lan | Bài giảng hp.KN giải quyết vấn đề &RQĐ |  |  | Thư viện |  | x |
| 3 | Katsumi Nishimura | Rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề trong một phút | 2016 | Phụ nữ | Thư viện |  | x |
| 4 | Jonathan Herring | Biết cách ra quyết định | 2017 | Thanh Hóa | Thư viện |  | x |
| 5 | Alan Barker | Làm thế nào giải quyết mọi vấn đề | 2018 | Trẻ | Thư viện |  | x |
| 6 | Tony Buzan | Lập bản đồ tư duy | 2017 | Lao động | Thư viện |  | x |
| 7 | Nguyễn Thụy Khánh Chương | Bản đồ tư duy trong giải quyết vấn đề | 2018 | Dân trí | Thư viện |  | x |

**8. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:**

8.1. Các hoạt động trước khi đến lớp: nghiên cứu tài liệu tham khảo (tự nghiên cứu, nghiên cứu theo nhóm); thảo luận trong nhóm để đặt được các câu hỏi, bài tập, tình huống; xây dưng bài thuyết trình nhóm

8.2. Các hoạt động trên lớp gồm: việc trả lời câu hỏi của GV và SV trong lớp; đặt câu hỏi, đưa tình huống; đưa ý kiến tranh luận, thảo luận; giải quyết tình huống; thuyết trình nhóm đánh giá bài thuyết.

8.3. Yêu cầu và cách thức đánh giá, mức độ tham gia các hoạt động trên lớp:

- Đối với việc trả lời câu hỏi của GV và SV trong lớp, đặt câu hỏi, đưa tình huống, đưa ý kiến tranh luận, thảo luận GV đánh giá trên 3 tiêu chí: tích cực, đúng và hay

- Đối với các bài tập: chấm theo thang điểm 10

- Đối với việc thuyết trình: đánh giá trên bài thuyết trình là kết quả làm việc của nhóm

**9. Đánh giá kết quả học tập:**

**9.1 Lịch kiểm tra giữa kỳ (dự kiến):**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Lần kiểm tra* | *Tiết thứ* | *Hình thức*  *kiểm tra* | *Chủ đề/Nội dung được kiểm tra* | *Nhằm đạt KQHT* |
| 1 | 20 | 30 câu trắc nghiêm  (15 phút) | Các chủ đề 1,2,3,4 | Nắm được công cụ GQVĐ.  Có khả năng thao tác, thực hành các công cụ GQVĐ. |

**9.2 Thang điểm học phần:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *STT* | *Hình thức đánh giá* | *Nhằm đạt KQHT* | *Trọng số (%)* |
| 1 | Kiểm tra giữa kỳ | Nắm vững (hiểu, nhớ được các nội dung kiến thức); hiểu và biết cách vận dụng các công cụ GQVĐ đã học và thực hành | 20% |
| 2 | Hoạt động nhóm | Hoạt động nhóm chủ động, tích cực, hiệu quả  Nắm được nội dung kiến thức  Thực hành được các bài tập GV giao làm trên lớp và về nhà | 20% |
| 3 | Chuyên cần/thái độ /phát biểu | Tự học,; hăng hái phát biểu, thảo luận trao đổi trên lớp | 10% |
| 4 | Thi kết thúc học phần  Hình thức thi: viết, tự luận, đề đóng | Biết cách giải quyết được vấn đề cụ thể của cá nhân theo đúng quy trình | 50% |

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**

*(Ký và ghi họ tên)*

**TRƯỞNG KHOA/VIỆN TRƯỞNG BỘ MÔN** *(Ký và ghi họ tên) (Ký và ghi họ tên)*